TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 190/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 02/6/2025
Về việc: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Ông Đặng Văn Thái .

***-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Tô Tấn Cường - Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc: "*Xin ly hôn*".Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2025; của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1988, có mặt.
Địa chỉ:Thôn L, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.
Bị đơn Phan Đức T1, sinh năm 1986, có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ:Thôn K, xã Ph1, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại các bản khai tại phiên tòa Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa chị với Phan Đức T1 tự nguyện tìm hiểu hơn 01 năm, có đăng ký kết hôn tại tại UBND xã Ph1, huyện T tỉnh Bình Định, số 139, ngày 07/12/2011. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian, thì vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng chị sống gia trưởng , không lo làm ăn, không có trách nhiệm gia đình, thiếu tôn trọng chị, xúc phạm chị, nên vợ chồng sống ly thân 2021 cho đến nay. Gia đình hai bên không có hòa giải. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị mong muốn ly hôn với anh T1. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Phan Lê Trúc M,

sinh ngày 14/4/2012, Phan Lê Ly N, sinh ngày 28/01/2015, hiện các con đang ở cùng anh T1, nay xin ly hôn thì tùy các con muốn ở cùng ai thì ở.Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị D không khai và không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn Phan Đức T1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị D như sau: Về quan hệ hôn nhân giữa anh với Lê Thị Mỹ D tự nguyện tìm hiểu, rồi mới đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại tại UBNDxã Ph1, huyện T, tỉnh Bình Định vào ngày 07/12/2011. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ anh bỏ đi từ ngày 18/08/2018, vì vợ anh đi làm hạt điều trong Phú Tài, có tài xế chở đi xong vợ anh ngoại tình với anh ta, sau đó anh phát hiện, anh nói vợ anh thì vợ chấp nhận có việc ngoại tình, sau đó cha vợ vào chở vợ anh về ngoài đó ở từ đó đến nay. Tuy nhiên anh cũng chấp nhận tha thứ cho chị D, để vợ chồng nuôi con, nhưng chị D kiên quyết bỏ đi, thỉ thoảng chỉ về thăm con. Nay vợ anh xin ly hôn thì anh không đồng ý vì vợ chồng anh đã thề trước Chúa để chung thủy cùng nhau xây dựng gia đình. Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung tên là Phan Lê Trúc M, sinh ngày 14/4/2012, Phan Lê Ly N, sinh ngày 28/01/2015, hiện các con đang ở cùng anh, nay vợ anh xin ly hôn anh xin nuôi con, anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng. Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không có nợ chung. Ngoài ra anh T1 không khai và không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị D ly hôn với anh T1. Về quan hệ nuôi con chung: Đề nghị giao con chung của chị D và anh T1 tên là Phan Lê Trúc M, sinh ngày 14/4/2012, Phan Lê Ly N, sinh ngày 28/01/2015, cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, hiện con đang ở cùng anh T1, về cấp dưỡng anh T1 không yêu cầu chị D cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Về tài sản chung: Chị D và anh T1 khai có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Phan Đức T1 cư trú tại Thôn K, xã Ph1, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Mỹ D thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị Lê Thị Mỹ D và anh Phan Đức T1 tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dânxã Ph1, huyện T, tỉnh Bình Định vào số 139, ngày 07/12/2011 nên hôn nhân giữa chị D và anh T1 là hợp pháp. Theo chị D khai trong thời gian sống chung anh T1 gia trưởng, luôn xúc phạm chị, anh T1 không lo làm ăn, không lo gia đình, trong khi đó anh T1 cho rằng khi chị D đi làm có ngoại tình nên vợ chồng mâu thuẫn. Chính vì vậy vợ chồng không ở cùng nhau từ năm 2018 cho đến nay. Hội đồng xét thấy chị D kiên quyết ly hôn, anh T1 cũng không có biện pháp hàn gắn, mà giữa anh T1 và chị D không còn chung sống với nhau một thời gian, mục đích hôn, nên cho chị D ly hôn anh T1 là phù hợp.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Chị D và anh T1 có 02 con chung tên là Phan Lê Trúc M, sinh ngày 14/4/2012, Phan Lê Ly N, sinh ngày 28/01/2015, hiện con đang ở cùng anh T1. Nay ly hôn chị D khai tùy các con, anh T1 xin nuôi con mà nguyện vọng của cháu M và N đều mong muốn ở với anh T1, Do đó Hội đồng xét xử giao hai con cho anh T1 nuôi nuôi la phù hợp. Về cấp dưỡng: Anh T1 không yêu cầu nên Tòa không xét.

[2].3 Về quan hệ tài sản chung: Chị D và anh T1 khai không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

[3] Về án phí DSST: Buộc Chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước.Tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, 35, 39, 227 BLTTDS; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Mỹ D ly hôn anh Phan Đức T1.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Giao 02 con chung của chị D và anh T1 tên là Phan Lê Trúc M, sinh ngày 14/4/2012, Phan Lê Ly N, sinh ngày 28/01/2015, cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, hiện các con đang ở cùng anh T1. Về cấp dưỡng nuôi con:

Tòa không xét. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[4] Về án phí DSST: Buộc chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0003139. ngày 10/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 02/6/2025). Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV -TAND tỉnh BĐ;
-UBNDxã Ph1
(số 139, ngày 07/12/2011)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy